



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01912

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định
thủy sản chứng nhận:**

Tên sản phẩm : YONG LE DIAN (Povidone Iodine Solution)
Số lượng/ khối lượng : 150 chai/ 75 lít (75 kg)
Ngày sản xuất : 19/3/2025
Hãng, nước sản xuất : Guangzhou Jinshui Animal Health Products Co., Ltd,
China
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : JS250410 ngày 10/4/2025
Hóa đơn số : JS250410 ngày 10/4/2025
Vận đơn số : CMSGZ25040282 ngày 16/4/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 3033/HQ-GDK-TTKN ngày 06/5/2025
Mã hồ sơ số : BNNPTNT29250034843
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN
LỢI DƯƠNG**
Địa chỉ: Lô B15, Đường số 3 và Đường số 7, KCN
Tân Đô, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh
Long An, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công
nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng

Quyết định chứng nhận

Số: 521/QĐ-TTKN

Ngày 13 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01913

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định
thủy sản chứng nhận:**

Tên sản phẩm : YOU TAI
Số lượng/ khối lượng : 360 lọ/ 1,44 kg
Ngày sản xuất : 10/4/2025
Hãng, nước sản xuất : Guangzhou Jinshui Animal Health Products Co., Ltd,
China
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : JS250410 ngày 10/4/2025
Hóa đơn số : JS250410 ngày 10/4/2025
Vận đơn số : CMSGZ25040282 ngày 16/4/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 3033/HQ-GDK-TTKN ngày 06/5/2025
Mã hồ sơ số : BNNPTNT29250034843
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN
LỢI DƯƠNG**
Địa chỉ: Lô B15, Đường số 3 và Đường số 7, KCN
Tân Đô, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh
Long An, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công
nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng

Quyết định chứng nhận

Số: 521/QĐ-TTKN

Ngày 13 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đã Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01914

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định
thủy sản chứng nhận:**

Tên sản phẩm : ZAO AN SHENG
Số lượng/ khối lượng : 40 can/ 600 kg
Ngày sản xuất : 09/4/2025
Hãng, nước sản xuất : Guangzhou Jinshui Animal Health Products Co., Ltd,
China
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : JS250410 ngày 10/4/2025
Hóa đơn số : JS250410 ngày 10/4/2025
Vận đơn số : CMSGZ25040282 ngày 16/4/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 3033/HQ-GDK-TTKN ngày 06/5/2025
Mã hồ sơ số : BNNPTNT29250034843
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN
LỢI DƯƠNG**
Địa chỉ: Lô B15, Đường số 3 và Đường số 7, KCN
Tân Đô, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh
Long An, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công
nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng

Quyết định chứng nhận

Số: 521/QĐ-TTKN

Ngày 13 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đã Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01915

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định
thủy sản chứng nhận:**

Tên sản phẩm : JING ZHI DA SUAN FEN
Số lượng/ khối lượng : 120 gói/ 60 kg
Ngày sản xuất : 29/3/2025
Hãng, nước sản xuất : Guangzhou Jinshui Animal Health Products Co., Ltd,
China
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : JS250410 ngày 10/4/2025
Hóa đơn số : JS250410 ngày 10/4/2025
Vận đơn số : CMSGZ25040282 ngày 16/4/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 3033/HQ-GDK-TTKN ngày 06/5/2025
Mã hồ sơ số : BNNPTNT29250034843
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN
LỢI DƯƠNG**
Địa chỉ: Lô B15, Đường số 3 và Đường số 7, KCN
Tân Đô, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh
Long An, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công
nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng

Quyết định chứng nhận

Số: 521/QĐ-TTKN

Ngày 13 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đã Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01916

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định
thủy sản chứng nhận:**

Tên sản phẩm : LI ER DUO
Số lượng/ khối lượng : 600 gói/ 600 kg
Ngày sản xuất : 06/4/2025
Hãng, nước sản xuất : Guangzhou Jinshui Animal Health Products Co., Ltd,
China
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : JS250410 ngày 10/4/2025
Hóa đơn số : JS250410 ngày 10/4/2025
Vận đơn số : CMSGZ25040282 ngày 16/4/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 3033/HQ-GDK-TTKN ngày 06/5/2025
Mã hồ sơ số : BNNPTNT29250034843
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN
LỢI DƯƠNG**
Địa chỉ: Lô B15, Đường số 3 và Đường số 7, KCN
Tân Đô, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh
Long An, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công
nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng

Quyết định chứng nhận

Số: 521/QĐ-TTKN

Ngày 13 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đã Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01917

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định
thủy sản chứng nhận:**

Tên sản phẩm : HONG JUN XIAO
Số lượng/ khối lượng : 120 gói/ 120 kg
Ngày sản xuất : 27/02/2025
Hãng, nước sản xuất : Guangzhou Jinshui Animal Health Products Co., Ltd,
China
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : JS250410 ngày 10/4/2025
Hóa đơn số : JS250410 ngày 10/4/2025
Vận đơn số : CMSGZ25040282 ngày 16/4/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 3033/HQ-GDK-TTKN ngày 06/5/2025
Mã hồ sơ số : BNNPTNT29250034843
Đơn vị được cấp : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN
LỢI DƯƠNG
Địa chỉ: Lô B15, Đường số 3 và Đường số 7, KCN
Tân Đô, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh
Long An, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công
nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng

Quyết định chứng nhận

Số: 521/QĐ-TTKN

Ngày 13 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01918

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định
thủy sản chứng nhận:**

Tên sản phẩm : BI SHUI AN
Số lượng/ khối lượng : 900 chai/ 900 kg
Ngày sản xuất : 31/3/2025
Hãng, nước sản xuất : Qingyuan Jinfeng Biological Durga Co., Ltd, China
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : JF20250410 ngày 10/4/2025
Hóa đơn số : JF20250410 ngày 10/4/2025
Vận đơn số : CMSGZ25040293 ngày 16/4/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 3032/HQ-GDK-TTKN ngày 06/5/2025
Mã hồ sơ số : BNNPTNT29250034855
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN
LỢI DƯƠNG**
Địa chỉ: Lô B15, Đường số 3 và Đường số 7, KCN
Tân Đô, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh
Long An, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công
nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng

Quyết định chứng nhận

Số: 521/QĐ-TTKN

Ngày 13 tháng 5 năm 2025



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Thanh Tùng





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01919

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định
thủy sản chứng nhận:**

Tên sản phẩm : JIA LAI
Số lượng/ khối lượng : 180 bao/ 1.800 kg
Ngày sản xuất : 01/4/2025
Hãng, nước sản xuất : Qingyuan Jinfeng Biological Durga Co., Ltd, China
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : JF20250410 ngày 10/4/2025
Hóa đơn số : JF20250410 ngày 10/4/2025
Vận đơn số : CMSGZ25040293 ngày 16/4/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : Số 3032/HQ-GDK-TTKN ngày 06/5/2025
Mã hồ sơ số : BNNPTNT29250034855
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN
LỢI DƯƠNG**
Địa chỉ: Lô B15, Đường số 3 và Đường số 7, KCN
Tân Đô, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh
Long An, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công
nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng

Quyết định chứng nhận

Số: 521/QĐ-TTKN

Ngày 13 tháng 5 năm 2025



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

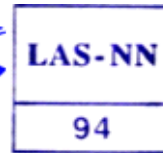
Phạm Thanh Tùng





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 4780/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ Thành
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 13592505188
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/05/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 09/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0525078/hqv2 JIA LAI BNNPTNT29250034 855	Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012

Cần Thơ, ngày/date: 12/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

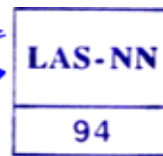
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 4779/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ Thành

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 13592505187

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/05/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 09/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0525077/hqv2 BI SHUI AN BNNPTNT29250034 855	Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	3,15	TCVN 8900-9:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 8900-7:2012

Cần Thơ, ngày/date: 12/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

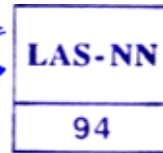
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 4778/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ Thành

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 13592505186

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/05/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 09/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0525076/hqv2 HONG JUN XIAO BNNPTNT29250034 843	Bacillus spp. (*) (**)	CFU/g	1,5 x 10 ¹⁰	HDS-03 (Ref. TCVN 8736:2011; BS EN15784:2009)
	Escherichia coli	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 12/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

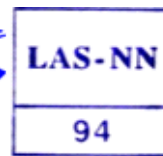
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 4777/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ Thành

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 13592505185

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/05/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 09/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0525075/hqv2 LI ER DUO BNNPTNT29250034 843	Bacillus spp. (*) (**)	CFU/g	5,0 x 10 ⁸	HDS-03 (Ref. TCVN 8736:2011; BS EN15784:2009)
	Escherichia coli	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 12/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

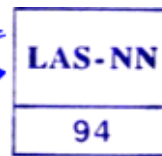
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 4776/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ Thành
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 13592505184
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/05/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 09/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0525074/hqv2 JING ZHI DA SUAN FEN BNNPTNT29250034 843	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 12/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

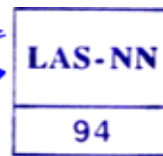
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 4775/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ Thành

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 13592505183

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/05/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 09/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0525073/hqv2 ZAO AN SHENG BNNPTNT29250034 843	Lactobacillus spp.	CFU/g	1,4 x 10 ⁶	HDS-32
	Escherichia coli	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 12/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

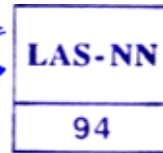
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 4774/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ Thành

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 13592505182

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/05/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 09/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0525072/hqv2 YOU TAI BNNPTNT29250034 843	Bacillus spp. (*) (**)	CFU/g	2,4 x 10 ¹⁰	HDS-03 (Ref. TCVN 8736:2011; BS EN15784:2009)
	Escherichia coli	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 12/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

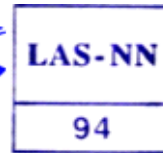
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 4773/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ Thành
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 13592505181
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/05/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 09/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0525071/hqv2 YONG LE DIAN (Povidone Iodine Solution) BNNPTNT29250034 843	Iodide (Quy đổi từ hàm lượng Iodine)	%	1,23	Dược điển Việt Nam 5 tập 1
	Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 8900-9:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 8900-7:2012

Cần Thơ, ngày/date: 12/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.